

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2022, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Trương Ngọc Acó đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 27-06-2017, anh Trần Minh Ch có ký hợp đồng tín dụng số 20170629-0004105 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V(nay là Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng VSMBC) (sau đây gọi tắt là VPB SMBC FC) để vay số tiền 42.200.000đ với lãi suất thỏa thuận 2,63%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh Trần Minh Ch có trách nhiệm thanh toán số tiền 53.722.876đ (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 18 tháng; 17 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.971.857 đồng, tháng cuối cùng trả 3.201.307 đồng, bắt đầu từ ngày 03-8-2017. Thực hiện hợp đồng, anh Trần Minh Ch đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán được 07 lần với tổng số tiền 20.887.285đ, bao gồm 13.949.950đ nợ gốc và 6.937.335đ nợ lãi. Kể từ ngày 11-02-2018 đến nay, anh Trần Minh Ch không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 28-12-2018, khoản nợ nói trên đã được VPB SMBC FC chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng Mua Bán Nợ số VPBFC-CEOO-18-0006, ngày 28-12-2018. Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Minh Ch trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ 32.835.591đ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại: 28.250.050đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 03/01/2019): 4.585.541đ; Công ty không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 04-01-2019 đến nay, ngoài ra, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn Trần Minh Ch vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Ch vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc anh Ch phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền gốc còn lại: 28.250.050đ theo quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS, Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi vì giao dịch giữa 2 bên phát sinh từ 27-6-2017, anh Ch vi phạm hợp đồng từ ngày 11-02-2018 nhưng phía Công ty không đòi nợ mà đến tháng 7 năm 2022 mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu tính lãi theo qui định tại Điều 429 BLDS. Công ty chỉ liên lạc yêu cầu bị đơn trả

nợ nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc Công ty đòi nợ nên căn cứ khoản 2 Điều 155 BLDS; khoản 2 Mục III Giải đáp số 02 ngày 02-8-2021 của TANDTC đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu trả tiền gốc, không chấp nhận yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tuy nhiên Bị đơn vi phạm nghĩa vụ từ ngày 03-01-2019, nhưng đến ngày 01-7-2022 Nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện, và tính theo dấu Bưu điện ghi ngày 14-7-2022 là hết thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại 429 BLDS nên chuyển thành quan hệ tranh chấp là “Đòi lại tài sản”. Bị đơn Trần Minh Ch cư trú tại Thôn P1, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 17, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn và Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH M yêu cầu anh Trần Minh Ch trả cho Công ty số tiền mà anh Ch vay Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V còn nợ là 32.835.591đ, trong đó nợ gốc còn lại: 28.250.050đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn ngày 03/01/2019): 4.585.541đ. Hội đồng xét xử thấy rằng vào ngày 27-6-2017, bị đơn Trần Minh Ch có ký hợp đồng tín dụng số 20170629-0004105 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V để vay 42.200.000đ, khi vay có hợp đồng vay, thỏa thuận lãi suất 31,50%/năm tương đương 2,63%/tháng, không thế chấp tài sản. Thời hạn vay được ấn định từ ngày 03-8-2017 đến ngày 03-01-2019. Đây là hợp đồng vay tài sản thuộc hợp đồng dân sự đúng theo quy định pháp luật do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Ch đã thanh toán 20.887.285đ, đến nay còn nợ 32.835.591đ. Ngày 28-12-2018, khoản nợ nói trên đã được Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V bán cho Công ty TNHH M, giao dịch chuyển nhượng được xác lập bằng Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEO-18-0006, ngày 28-12-2018. Trong đó có biên bản xác nhận rằng khoản nợ của bị đơn Trần Minh Ch đã được chuyển giao cho bên Công ty TNHH M. Nên nay Công ty TNHH M yêu cầu Tòa buộc anh Ch trả một lần cho Công ty số tiền nợ trên là có căn

cứ theo khoản 2 Điều 221 BLDS. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu trên của Công ty TNHH M chỉ phù hợp phần đòi nợ gốc là 28.250.050đ. Bởi lẽ khi anh Ch tự nguyện thanh toán số tiền 20.887.285đ trong đó có nợ gốc là 13.949.950đ, phần lãi anh Ch đã trả 6.937.335đ. Trong khi đó anh Ch vi phạm nghĩa vụ từ ngày 03-01-2019 nhưng đến ngày 01-7-2022 Nguyên đơn mới khởi kiện là vượt quá thời hạn 03 năm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 429 BLDS và khoản 2 Điều 155 BLDS; khoản 2 Mục III giải đáp số 02 ngày 02-8-2021 của TANDTC xác định hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa chỉ buộc anh Ch trả nợ gốc còn lại cho Công ty. Do đó buộc anh Ch phải trả cho Công ty TNHH M là 28.250.050đ, bác yêu cầu tính lãi của Công ty .

[3] Về án phí DSST : Buộc anh Trần Minh Ch phải chịu 1.413.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu án phí đối với phần lãi bị bác là 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 820.000đ được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 520.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ vào các Điều 26, 17, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 221, khoản 2 Điều 155, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Mục III Giải đáp số 02 ngày 02-8-2021 của TANDTC, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc “Đòi lại tài sản”.

- Buộc anh Trần Minh Ch phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc là 28.250.050đ (Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

- Bác phần yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH M.

[2]. Về án phí DSST: Buộc anh Trần Minh Ch phải chịu án 1.413.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 820.000đ cho theo biên lai thu tiền số 0006383 ngày 12-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 520.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy